



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 10

Số 144 (01/10/2009)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
03-9-2009-	Quyết định số 4108/QĐ-UBND về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu Công viên Mũi Đèn Đỏ và Khu nhà ở đô thị tại phường Phú Thuận, quận 7.	3
11-9-2009-	Quyết định số 4287/QĐ-UBND về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư thị trấn huyện lỵ, huyện Củ Chi.	10
12-9-2009-	Quyết định số 4291/QĐ-UBND về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Tân Quy (thị trấn Tân Quy), huyện Củ Chi.	15
14-9-2009-	Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND về duyệt Quy hoạch mạng lưới đường thủy và cảng, bến khu vực thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ nay đến năm 2020.	20

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

- 19-8-2009- Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 8. 35
- 19-8-2009- Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8. 46

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4108/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 9 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**Về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000
khu Công viên Mũi Đèn Đỏ và khu nhà ở đô thị
tại phường Phú Thuận, quận 7****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP, ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Quyết định số 2131/QĐ-UB-QLĐT ngày 14 tháng 4 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt quy hoạch chung quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 5665/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 7, thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đại Trường Sơn tại văn bản số 023/GTS-ĐT ngày 19 tháng 6 năm 2009; văn bản số 027/TT-ĐTS ngày 10 tháng 8 năm 2009 về việc thẩm định phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Dự án Công viên Phú Thuận (Công viên Mũi Đèn Đỏ) tại phường Phú Thuận, quận 7; văn bản số 1469/UBND-QLĐT ngày 16 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 7 về việc thẩm định phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Công viên Phú Thuận (Công viên Mũi Đèn Đỏ) do Công ty Cổ phần Đại Trường Sơn làm chủ đầu tư và đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Công văn số 2363/SQHKT-QHC ngày 18 tháng 8 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu Công viên Mũi Đèn Đỏ và khu nhà ở đô thị tại phường Phú Thuận, quận 7 với các nội dung chính như sau: (đính kèm hồ sơ thuyết minh Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết 1/2000 do Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc Miền Nam lập).

1. Vị trí giới hạn khu đất quy hoạch:

- Vị trí: thuộc phường Phú Thuận, quận 7
- Qui mô diện tích: 121,9ha
- Phạm vi ranh giới:
 - + Phía Đông giáp sông Nhà Bè
 - + Phía Tây giáp đường Đào Trí hiện hữu và ranh đất các dự án của các công ty: Công ty TNHH Khánh Hà, Công ty Dầu thực vật...
 - + Phía Nam giáp sông Nhà Bè và ranh dự án của các công ty, doanh nghiệp sản xuất...
 - + Phía Bắc giáp sông Sài Gòn và rạch Bà Bướm.

2. Về mục tiêu đồ án:

- Xác định tính chất, chức năng, qui mô, tổ chức không gian kiến trúc và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc phù hợp để xây dựng dự án công viên phục vụ đa dạng về tham quan, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng cho người dân và khách du lịch trong nước, quốc tế.
- Đảm bảo việc phát triển đô thị khu vực dự án và các khu vực kế cận thuộc phường Phú Thuận theo đúng quy hoạch được phê duyệt, đồng thời đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và cảnh quan môi trường.
- Tạo cơ sở pháp lý đầu tư xây dựng, quản lý đất đai và môi trường cảnh quan theo quy hoạch được phê duyệt.

3. Về tính chất chức năng:

3.1. Khu chức năng công viên:

- Là mảng cây xanh tập trung phù hợp với quy hoạch chung quận 7.
- Tính chất là công viên sinh thái - du lịch - văn hóa - giải trí - công cộng (dạng công viên đa chức năng). Trong đó tính chất du lịch, vui chơi giải trí nhằm phục vụ

nhu cầu đa dạng về tham quan, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng cho người dân và khách du lịch trong nước, quốc tế.

3.2. Khu chức năng ở đô thị:

Được tổ chức thành đơn vị ở mới với đầy đủ các hạng mục công trình dịch vụ cấp đơn vị ở như: trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, y tế, văn hóa, hành chính, thương mại, các dịch vụ phục vụ dân cư trong đơn vị ở;

Trong khu ở dành một tỷ lệ nhất định cho yêu cầu tái định cư và công trình công cộng cấp quận như giáo dục, y tế... và quỹ nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở và Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ.

Riêng về hạng mục bến tàu khách quốc tế 50.000 GRT được xem là đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật phục vụ cấp thành phố và được tính toán cân đối đủ về qui mô đất và các hạng mục xây dựng theo yêu cầu của ngành giao thông vận tải.

4. Về chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

4.1. Đối với khu công viên:

Về phân bổ sử dụng đất:

+ Tổng diện tích đất nghiên cứu quy hoạch là: 85ha, trong đó có phần đất xây dựng bến tàu khách quốc tế 50.000 GRT là 4,6ha (tạm tính). Phần đất nghiên cứu quy hoạch chi tiết khu công viên chiếm 75% quỹ đất còn lại chia ra như sau:

- Đất khu thương mại - dịch vụ : $\leq 25\%$
- Đất khu công viên chuyên đề, công viên công cộng : $\geq 60\%$
- Đất giao thông - bến bãi : $\leq 15\%$

Về các chỉ tiêu quy hoạch:

- + Mật độ xây dựng gộp tối đa của toàn khu công viên : 21%
- + Tầng cao không chế tối đa : 35 tầng
- + Hệ số sử dụng đất tối đa của toàn khu công viên : 1,1, trong đó:
 - Đối với khu phục vụ : $\leq 2,6$
 - Đối với khu triển lãm văn hóa : $\leq 1,2$
 - Đối với khu công viên công cộng : $\leq 0,05$
 - Đối với khu công viên chuyên đề : $\leq 0,25$
 - Đối với khu khách sạn - bán lẻ : $\leq 7,2$

(Trong quá trình nghiên cứu thiết kế đồ án, khi lựa chọn giải pháp bố cục chức năng, tổ chức không gian kiến trúc giữa các khu chức năng theo hướng liên hoàn, phù hợp với các công năng sử dụng công trình, các hệ số sử dụng đất tại các khu chức năng trong công viên được cân đối bù trừ trên cơ sở vẫn đảm bảo hệ số sử dụng đất chung là 1,1).

Riêng đối với các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của bến tàu khách quốc tế 50.000 GRT tại khu vực công viên Phú Thuận liên quan đến các nội dung quy hoạch xây dựng chuyên ngành: về qui mô, công suất thông quan, nhu cầu hành khách, đất cảng, cầu cảng, vũng quay tàu, luồng tàu... cần được xác định cụ thể hơn khi lập hồ sơ quy hoạch chi tiết để gửi Cục Hàng hải Việt Nam tổng hợp, trình Bộ Giao thông vận tải xem xét giải quyết.

4.2. Đối với khu ở đô thị:

+ Tổng diện tích	: 36,9ha
+ Dân số dự kiến	: 14.500 người
+ Chỉ tiêu đất dân dụng	: 25 - 28 m ² /người, trong đó:
- Đất ở	: 12 - 16 m ² /người
- Đất công trình công cộng	: 2 - 4 m ² /người
- Đất công viên cây xanh	: 2 - 3 m ² /người
- Đất giao thông	: 6 - 9 m ² /người
+ Tỷ lệ phân bổ sử dụng đất:	
- Đất ở	: 45 - 60%
- Đất công trình công cộng	: 8 - 15%
- Đất công viên cây xanh	: 8 - 12%
- Đất giao thông	: 20 - 30%
+ Mật độ xây dựng chung toàn khu	: ≤ 40%
+ Tầng cao xây dựng:	
- Đối với nhà biệt thự - liên kế vườn	: 1 - 3 tầng
- Đối với nhà chung cư tối đa	: 30 tầng
+ Hệ số sử dụng đất:	

- Đối với khu vực đất xây dựng nhà biệt thự - liên kế vườn : $\leq 1,8$
- Đối với khu vực đất xây dựng nhà chung cư : ≤ 5

(trường hợp khi chọn giải pháp thiết kế có khối bộ sử dụng cho mục đích các tiện ích phục vụ cư dân sẽ được cộng thêm hệ số cục bộ cho công trình từ 1 - 1,5; hướng tổ chức không gian khu ở theo mô hình khu đô thị mới, trong đó: tỷ lệ đất xây dựng nhà ở chung cư chiếm khoảng 60 - 75% đất ở và tỷ lệ nhà biệt thự - liên kế vườn khoảng 25 - 40%).

Ngoài ra tỷ lệ đất xây dựng nhà ở chung cư (thương mại - tái định cư) phải xác định rõ hơn theo nhu cầu và phù hợp với yêu cầu tổ chức không gian kiến trúc đô thị của khu vực. Đối với các công trình dịch vụ khác, các công trình có chức năng hỗn hợp, hệ số sử dụng đất đối với các ô chức năng này khi lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được dựa vào mối tương quan giữa mật độ xây dựng và tầng cao, khoảng lùi công trình, đảm bảo theo các quy định trong QCVN 01:2008/BXD của Bộ Xây dựng.

+ Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt : 1.500 - 2.000 KWh/ng/năm
- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt : 180 - 200 lít/người/ngày đêm
- Chỉ tiêu thoát nước thải : 180 - 200 lít/người/ngày đêm
- Chỉ tiêu rác thải : 1 - 1,2 kg/người/ngày đêm
- Chỉ tiêu thông tin liên lạc : 1 line/4 người

5. Tổ chức không gian:

Vị trí khu đất thuận lợi về cảnh quan sông nước, là mũi đất giữa 2 sông Nhà Bè và sông Sài Gòn, do vậy về tổ chức không gian cần được nghiên cứu theo hướng bố cục mảng xanh công viên ở phần tam giác phía mũi đất. Các hạng mục công trình mang tính dịch vụ, thương mại có thể nghiên cứu ở khu vực trung tâm, gần trục chính phía đường Đào Trí hoặc khu vực giáp rạch Bà Bướm, tuy nhiên có lưu ý tạo khoảng không gian mở cho chức năng chủ đạo là khu công viên tập trung.

Riêng về chức năng khu ở đô thị: trên cơ sở phối hợp với đồ án quy hoạch chi tiết 1/2000 khu dân cư phường Phú Thuận đã được Ủy ban nhân dân quận 7 nghiên cứu, hướng bố cục được dựa theo các khu chức năng chuyển đổi, mang tính quy cụm nhằm thuận lợi về tổ chức hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật (hạn chế hướng bố cục phân tán).

6. Các điểm lưu ý khi triển khai đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000:

Trên cơ sở xác định các chỉ tiêu liên quan về tỷ lệ phân bổ sử dụng đất, các chỉ tiêu về quy hoạch kiến trúc, thông số hạ tầng kỹ thuật..., khi triển khai lập đồ án quy hoạch chi tiết ở tỷ lệ 1/2000 thì chủ đầu tư có trách nhiệm:

- Liên hệ các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân quận 7 để được xem xét hướng dẫn, cập nhật các thông tin liên quan như xác định qui mô đất và các hạng mục đầu tư xây dựng của bến tàu khách quốc tế và ranh mép bờ cao rạch Bà Bướm, sông Nhà Bè và sông Sài Gòn theo quy định như ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại văn bản số 1751/UBND-ĐTMT ngày 22 tháng 4 năm 2009.

- Liên hệ Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải II về địa điểm di dời Trạm quản lý luồng hàng hải trên sông Sài Gòn trong khu Công viên Mũi Đèn Đỏ theo như nội dung văn bản đề nghị số 410/XN 202 ngày 22 tháng 7 năm 2009 của Xí nghiệp Bảo đảm An toàn Hàng hải 202 gửi Ủy ban nhân dân thành phố.

- Mạng lưới hạ tầng kỹ thuật - giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, san nền tiêu thủy... của toàn khu công viên và khu ở phải được nối kết phù hợp với mạng lưới chung của cả khu vực; ngoài ra có lưu ý đến tổ chức vận hành của bến tàu khách quốc tế liên quan đến tổ chức không gian chung của khu vực.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu Công viên Mũi Đèn Đỏ và khu nhà ở đô thị tại phường Phú Thuận, quận 7 được duyệt:

- Giao Ủy ban nhân dân quận 7 và Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn đơn vị lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 kèm Quy định về quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng theo đúng Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ nhằm thực thi các dự án xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố, Ủy ban nhân dân quận 7 và các ngành liên quan kiểm soát các loại hình đầu tư vào khu vực lập dự án này phù hợp theo mục tiêu, loại hình kinh doanh cũng như các hoạt động phục vụ chung trên địa bàn quận 7 và của thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch

và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7, Công ty Cổ phần Đại Trường Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4287/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng
đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư thị trấn huyện lỵ, huyện Củ Chi**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ quy chuẩn, Tiêu chuẩn Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ đồ án quy hoạch chung huyện Củ Chi đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6994/QĐ-UB-QLĐT ngày 24 tháng 12 năm 1998;

Căn cứ nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung huyện Củ Chi đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2675/QĐ-UB ngày 21 tháng 6 năm 2007;

Theo đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2205/SQHKT-QHKV2 ngày 05 tháng 8 năm 2009 về trình duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư thị trấn huyện lỵ, huyện Củ Chi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư thị trấn huyện lỵ, huyện Củ Chi với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:

- Quy mô khu vực quy hoạch: 121ha.
- Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch:
 - + Phía Đông Nam : giáp khu dân cư hiện hữu.
 - + Phía Tây Bắc : giáp Tỉnh lộ 8.
 - + Phía Tây Nam : giáp Quốc lộ 22.
 - + Phía Đông Bắc : giáp khu dân cư hiện hữu và một phần đất nông nghiệp.

2. Lý do và sự cần thiết phải lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch:

- Đồ án quy hoạch chi tiết khu dân cư thị trấn huyện lỵ đã được Kiến trúc sư trưởng thành phố phê duyệt tại Quyết định số 15592/KTST-QH ngày 28 tháng 12 năm 1999 được nghiên cứu và thiết lập vào tháng 11 năm 1998 cách đây gần 10 năm trên nền hiện trạng cũ tỷ lệ 1/5000 (tài liệu năm 1986), do đó tính chính xác của hiện trạng không được đảm bảo và cần được rà soát, cập nhật lại.

- Ranh khu quy hoạch được xác định không theo ranh giới địa hình tự nhiên (địa hình, địa vật...), nên cần xem xét và điều chỉnh lại ranh khu quy hoạch cho phù hợp.

- Giao thông có sự thay đổi lớn về hướng tuyến và lộ giới của một số tuyến đường chính cho phù hợp với định hướng điều chỉnh quy hoạch chung của huyện đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nhiệm vụ.

- Về sử dụng đất: một số khu vực theo quy hoạch cũ đã được phê duyệt là đất công viên cây xanh và đất công trình công cộng, nhưng do tình trạng phát triển dân cư tự phát hình thành nên một số khu ở dày đặc, nên cần phải xem xét lại vị trí và quy mô của các khu chức năng này nhằm đảm bảo tính khả thi và kết nối hạ tầng với các khu vực lân cận.

Việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư thị trấn huyện lỵ nhằm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội trong giai đoạn hiện nay, đồng thời định hướng phát triển trong tương lai phù hợp với định hướng điều chỉnh quy hoạch chung huyện Củ Chi đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nhiệm vụ tại Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2007.

3. Mục tiêu của nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch:

- Đảm bảo phát triển khu vực theo đúng quy hoạch chung của huyện, hạn chế phát triển tự phát.

- Khai thác có hiệu quả giá trị sử dụng đất để phát triển kinh tế, xã hội khu vực phù hợp xu hướng phát triển chung trên địa bàn huyện.

- Phát triển đồng bộ về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

- Tạo cơ sở pháp lý để quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

- Xác định được tính chất, chức năng, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, quy mô dân số và quỹ đất phát triển đô thị.

4. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

4.1. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)
A	Đất đơn vị ở	105,5		87,2
	- Đất nhóm ở	70,8	58,5	
	+ Đất nhóm ở hiện hữu cải tạo	47,4		
	+ Đất nhóm ở xây dựng mới	23,4		
	- Đất công trình dịch vụ cấp đơn vị ở	6,0	5,0	
	- Đất cây xanh sử dụng công cộng	8	6,6	
	- Đất giao thông cấp phân khu vực	20,7	17,1	
B	Đất ngoài đơn vị ở	15,5		12,8
	+ Đất giao thông cấp đô thị	8	6,6	
	+ Đất công trình công cộng cấp đô thị	1,9	1,5	
	+ Đất công nghiệp hiện hữu	4,6	3,8	
	+ Đất tôn giáo	1,0	0,8	
	Tổng cộng	121	100	

4.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc	Ghi chú
A	Các chỉ tiêu sử dụng đất			
	Đất đơn vị ở	m ² /ng	84 - 89	
	+ Đất nhóm nhà ở	m ² /ng	55 - 56	
	+ Đất công trình dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở	m ² /ng	4 - 6	Trong đó đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở tối thiểu 2,7m ² /người/1 đơn vị ở
	+ Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² /ng	5 - 8	
	+ Đất giao thông	m ² /ng km/km ²	15 - 20 13,3 - 10	Tính đến đường cấp phân khu vực (lộ giới ≥ 13m)
B	Chỉ tiêu kiến trúc			
	- Dân số dự kiến		12.000	
	- Mật độ xây dựng		Khoảng 25 - 35%	Tính trên toàn khu
	- Hệ số sử dụng đất		≤ 1,5	Tối đa (tính trên từng nhóm ở)
	- Tầng cao xây dựng		01 - 05	Thấp nhất và cao nhất
C	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
	+ Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	150 - 180	
	+ Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	150 - 180	
	+ Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	1.000	
	+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường	kg/người/ngày	01	

5. Các điểm lưu ý khi triển khai giai đoạn đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000:

- Các vị trí hoán đổi chức năng sử dụng đất cần cân nhắc kỹ để tránh khiếu kiện của người dân, ưu tiên phát triển công viên cây xanh và công trình công cộng tại các khu đất trống.

- Việc quy hoạch xây dựng các công viên cây xanh trong phạm vi khu quy hoạch cần phù hợp với Quy chuẩn xây dựng và bám sát hiện trạng sử dụng đất để đảm bảo tính khả thi.

- Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng cần thực hiện theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng.

- Việc triển khai đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 này cần phù hợp định hướng của đồ án quy hoạch chung huyện Củ Chi tỷ lệ 1/10.000.

Điều 2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi chịu trách nhiệm hướng dẫn đơn vị tư vấn triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 căn cứ trên nội dung nhiệm vụ quy hoạch đã phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4291/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 9 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000
khu dân cư Tân Quy (thị trấn Tân Quy), huyện Củ Chi**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố;

Căn cứ đồ án quy hoạch chung huyện Củ Chi đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6994/QĐ-UB-QLĐT ngày 24 tháng 12 năm 1998;

Căn cứ nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung huyện Củ Chi đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2675/QĐ-UB ngày 21 tháng 6 năm 2007;

Theo đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2445/SQHKT-QHKV2 ngày 26 tháng 8 năm 2009 về trình duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư thị trấn Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân

cur Tân Quy (thị trấn Tân Quy), xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:

- Quy mô khu vực quy hoạch: 52,8ha.

- Vị trí khu đất thuộc khu vực đô thị Củ Chi có giới hạn phạm vi quy hoạch như sau:

+ Phía Đông Bắc : giáp cụm công nghiệp Tân Quy - khu B.

+ Phía Đông Nam : giáp tuyến điện cao thế 500KV.

+ Phía Tây Nam : giáp đất nông nghiệp và khu dân cư hiện hữu.

+ Phía Bắc : giáp Tỉnh lộ 8.

2. Lý do và sự cần thiết phải lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch:

- Đồ án quy hoạch chi tiết khu dân cư Tân Quy (thị trấn Tân Quy) đã được Kiến trúc sư trưởng thành phố phê duyệt tại Quyết định số 15593/KTST-QH ngày 28 tháng 12 năm 1999 được nghiên cứu và thiết lập trên nền hiện trạng cũ tỷ lệ 1/5000 (tài liệu năm 1986), do đó tính chính xác của hiện trạng không được đảm bảo và cần được rà soát, cập nhật lại.

- Ranh giới phía Đông Bắc khu quy hoạch có sự thay đổi lớn do đã có dự án cụm công nghiệp Tân Quy - khu B.

- Hệ thống công trình công cộng có sự thay đổi về quy mô và vị trí để đáp ứng được nhu cầu hiện tại và phù hợp với tình hình phát triển của khu vực (Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi sẽ có đề xuất cụ thể trong giai đoạn đồ án).

- Giao thông có sự thay đổi khá lớn về hướng tuyến và lộ giới của một số tuyến đường chính cho phù hợp với hiện trạng khu vực và định hướng điều chỉnh quy hoạch chung của huyện đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nhiệm vụ.

- Về sử dụng đất: một số khu vực theo quy hoạch cũ đã được phê duyệt là đất công viên cây xanh và đất công trình công cộng, nhưng do tình trạng phát triển dân cư tự phát hình thành nên một số khu ở dày đặc, nên cần phải xem xét lại vị trí và quy mô của các khu chức năng này nhằm đảm bảo tính khả thi và kết nối hạ tầng với các khu vực lân cận.

3. Mục tiêu của nhiệm vụ quy hoạch:

- Đảm bảo phát triển khu vực theo đúng quy hoạch chung của huyện, hạn chế phát triển tự phát.

- Khai thác có hiệu quả giá trị sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội khu vực phù hợp xu hướng phát triển chung trên địa bàn huyện.

- Phát triển đồng bộ về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

- Tạo cơ sở pháp lý để quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

- Xác định được tính chất, chức năng, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, quy mô dân số và quỹ đất phát triển đô thị.

4. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

4.1. Cơ cấu sử dụng đất:

Số TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)
A	Đất đơn vị ở	39,59		74,98
	- Đất nhóm ở	27,9	52,84	
	- Đất công trình dịch vụ cấp đơn vị ở	2,41	4,56	
	- Đất cây xanh sử dụng công cộng	2,5	4,73	
	- Đất giao thông cấp phân khu vực	6,78	12,84	
B	Đất ngoài đơn vị ở	13,21		25,02
	+ Đất giao thông cấp đô thị	4,88	9,24	
	+ Đất công trình dịch vụ cấp đô thị	5,8	10,98	
	+ Đất hỗn hợp	0,84	1,59	
	+ Đất công trình dịch vụ công cộng	1,69	3,20	
	Tổng cộng	52,8		100

4.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Số TT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc	Ghi chú
A	Các chỉ tiêu sử dụng đất			
	Đất đơn vị ở	m ² /ng	75 ÷ 84	
	+ Đất nhóm nhà ở	m ² /ng	55 ÷ 60	

	+ Đất công trình dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở	m ² /ng	4 ÷ 6	Trong đó đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở tối thiểu 2,7m ² /người/1 đơn vị ở
	+ Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² /ng	5 ÷ 8	
	+ Đất giao thông	m ² /ng	13 ÷ 15	Tính đến đường cấp phân khu vực (lộ giới ≥ 13m)
		km/km ²	13,3 ÷ 10	
B	Chỉ tiêu kiến trúc			
	- Dân số dự kiến		5.000	
	- Mật độ xây dựng		Khoảng 25 ÷ 35%	Tính trên toàn khu
	- Hệ số sử dụng đất		0,25 ÷ 1	Tối đa (tính trên từng nhóm ở)
	- Tầng cao xây dựng		01 ÷ 05	Thấp nhất và cao nhất
C	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
	+ Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	150 ÷ 180	
	+ Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	150 ÷ 180	
	+ Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	1.000	
	+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường	kg/người/ngày	01	

5. Các điểm lưu ý khi triển khai giai đoạn đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000:

- Các vị trí hoán đổi chức năng sử dụng đất cần cân nhắc kỹ để tránh khiếu kiện của người dân, ưu tiên phát triển công viên cây xanh và công trình công cộng tại các khu đất trống.

- Việc quy hoạch xây dựng các công viên cây xanh trong phạm vi khu quy hoạch cần phù hợp với Quy chuẩn xây dựng và bám sát hiện trạng sử dụng đất để đảm bảo tính khả thi.

- Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng cần thực hiện theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng.

- Việc triển khai đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 này cần phù hợp định hướng của đồ án quy hoạch chung huyện Củ Chi tỷ lệ 1/10.000.

Điều 2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi chịu trách nhiệm hướng dẫn đơn vị tư vấn triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 căn cứ trên nội dung nhiệm vụ quy hoạch đã phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt Quy hoạch mạng lưới đường thủy và cảng, bến
khu vực thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ nay đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 16/2000/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải Đường sông Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 27/2005/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 5 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 68/2005/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố đường thủy nội địa quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 49/2007/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2007 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận thành phố Hồ Chí Minh và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Tờ trình số 32/SGTVT-GTT ngày 02 tháng 6 năm 2009 và Công văn số 247/SGTVT-GTT ngày 10 tháng 8 năm 2009 của Sở Giao thông vận tải; ý kiến của Sở Tư pháp (Công văn số 2191/STP-VB ngày 30 tháng 7 năm 2009),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Quy hoạch mạng lưới đường thủy và cảng, bến khu vực thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ nay đến năm 2020 với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi quy hoạch:

- Phạm vi phục vụ trực tiếp: Khu vực thành phố Hồ Chí Minh.
- Phạm vi phục vụ gián tiếp: Các tỉnh phụ cận, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Mục tiêu quy hoạch:

- Làm cơ sở để đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống mạng lưới đường thủy và cảng - bến khu vực thành phố Hồ Chí Minh một cách hợp lý và đồng bộ, có quy mô phù hợp với từng khu vực, hình thành những trung tâm kết nối giữa vận tải thủy nội địa với các phương thức vận tải khác.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý nhà nước về quy hoạch ngành và quy hoạch xây dựng các công trình trong phạm vi có liên quan đến bờ và lòng sông, kênh, rạch thành phố Hồ Chí Minh.

- Làm cơ sở khuyến khích đầu tư và phát triển các công trình liên quan trực tiếp đến hệ thống sông, kênh, rạch, phát triển năng lực giao thông vận tải đường thủy, hỗ trợ hữu hiệu cho vận tải đường bộ và phục vụ vận tải đường biển.

- Góp phần phát triển kinh tế xã hội và cải tạo cảnh quan môi trường đô thị của thành phố.

3. Quan điểm và nội dung quy hoạch:

3.1. Quan điểm quy hoạch:

- Quy hoạch mạng lưới giao thông thủy thành phố được quy hoạch theo quan điểm duy trì và cải tạo các luồng tuyến giao thông thủy hiện có, đồng thời tìm kiếm những luồng tuyến mới có khả năng khai thác vận tải thủy.

- Quy hoạch xây dựng các cảng hàng hóa đường sông: theo quan điểm tiếp cận thuận lợi với hệ thống cảng biển thành phố Hồ Chí Minh, đối lưu hàng hóa giữa thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh phụ cận, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Hỗ trợ hữu hiệu cho vận tải đường bộ và vận tải đường biển.

- Phát triển cảng hành khách và cảng du lịch đường sông.

3.2. Quy hoạch mạng lưới các tuyến đường thủy:

- Các tuyến đường thủy nội địa (gọi tắt là ĐTNĐ) địa phương khu vực thành phố Hồ Chí Minh sau quy hoạch, bao gồm: 87 tuyến với tổng chiều dài là 574,1km; được phân cấp như sau:

- Tuyến ĐTNĐ địa phương cấp I : 03 tuyến - L= 23km.
- Tuyến ĐTNĐ địa phương cấp II : 01 tuyến - L= 1,2km.
- Tuyến ĐTNĐ địa phương cấp III : 02 tuyến - L= 24,2km.
- Tuyến ĐTNĐ địa phương cấp IV : 21 tuyến - L= 137,2km.
- Tuyến ĐTNĐ địa phương cấp V : 20 tuyến - L= 181,6km.
- Tuyến ĐTNĐ địa phương cấp VI : 41 tuyến - L= 206,9km.

(Chi tiết danh mục các tuyến đường thủy nội địa địa phương khu vực thành phố Hồ Chí Minh được nêu tại phụ lục 1).

- Các tuyến đường sông chuyên dùng gồm 02 tuyến với tổng chiều dài 2,6km (xem phụ lục 2).

- Các tuyến đường thủy nội địa quốc gia trên địa bàn thành phố được thống kê theo Quyết định số 68/2005/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông vận tải về Công bố đường thủy nội địa quốc gia, bao gồm 16 tuyến với chiều dài 252km (chi tiết danh mục nêu tại phụ lục 3).

- Các tuyến hàng hải trên địa bàn thành phố được thống kê theo Quyết định số 49/2007/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2007 của Bộ Giao thông vận tải về Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận thành phố Hồ Chí Minh và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm 07 tuyến với tổng chiều dài 146,8km (chi tiết danh mục nêu tại phụ lục 4).

Các tuyến đường thủy nội địa địa phương kết hợp với các tuyến đường sông chuyên dùng, các tuyến đường thủy nội địa quốc gia, các tuyến hàng hải trên địa bàn thành phố hình thành mạng lưới vận tải thủy liên kết giữa các khu vực của thành phố Hồ Chí Minh và giữa thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh lân cận; cụ thể như sau:

3.2.1. Các tuyến liên tỉnh:

- Thành phố Hồ Chí Minh đi các tỉnh miền Tây (Đồng bằng sông Cửu Long):

+ Thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau - Hà Tiên (Kiên Lương): kênh Tẻ, kênh Đôi - rạch Ông Lớn - kênh Cây Khô - rạch Bà Lào - sông Cần Giuộc - kênh Nước Mặn - sông Vàm Cỏ - kênh Chợ Gạo (Cà Mau) - kênh Vấp Vò (Sa Đéc) - sông Hậu

Giang - Rạch Sỏi (Hậu Giang) - kênh Rạch Giá (Hà Tiên) - kênh Ba Hòn - thị trấn Kiên Lương;

+ Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Tháp Mười - Tứ giác Long Xuyên: kênh Tẻ, kênh Đoi - sông Chợ Đệm Bến Lức - sông Thủ Thừa - kênh Đồng Tiến - sông Tiền - Vàm Nao - sông Hậu - kênh Ba Thê - kênh Tám Ngàn;

- Thành phố Hồ Chí Minh đi các tỉnh miền Đông:

+ Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa (Đồng Nai): Tuyến sông Sài Gòn - sông Đồng Nai;

+ Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương (Thủ Dầu Một): sử dụng luồng sông Sài Gòn ngược lên phía Bắc Thành phố tới Củ Chi, Hóc Môn;

- Thành phố Hồ Chí Minh đi các tỉnh Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh: tuyến sông Sài Gòn - rạch Tra - kênh Thầy Cai - sông Vàm Cỏ Đông.

3.2.2. Các tuyến nối tắt và liên kết nội thành với khu vực cảng biển mới:

- Các tuyến nối tắt:

+ Tuyến rạch Chiếc - rạch Trau Trầu - sông Tắc - (nối tắt sông Sài Gòn và sông Đồng Nai);

+ Tuyến rạch Giồng Ông Tố - rạch Đồng Trong - rạch Chiếc (nối ngã 3 Đền Đò - Nhà máy Xi măng Hà Tiên 1);

+ Tuyến nối tắt Thị Vải - Đồng bằng sông Cửu Long: đào mới 2,1km nối sông Soài Rạp - rạch Góc Tre Nhỏ - sông Vàm Sát - sông Lò Rèn - sông Dinh Bà - sông Dân Xây.

- Các tuyến nối kết nội thành - khu cảng biển Gò Dầu - Thị Vải:

+ Tuyến sông Bến Lức - sông Cần Giuộc - rạch Bà Lào - rạch Dơi - sông Kinh - sông Soài Rạp - tắc Sông Chà - sông Lòng Tàu - sông Đồng Tranh 1 - Tắc Ông Trung - sông Đông Khô - rạch Ông Trúc - sông Thị Vải;

+ Tuyến kênh Tẻ - rạch Ông Lớn - rạch Địa - rạch Rơi - sông Phú Xuân - sông Nhà Bè - sông Lòng Tàu - sông Đồng Tranh 1 - Tắc Ông Trung - sông Đông Khô - rạch Ông Trúc - sông Thị Vải.

- Các tuyến nối kết nội thành - khu cảng biển Hiệp Phước:

+ Tuyến rạch Địa - rạch Rơi - sông Phú Xuân - sông Nhà Bè;

+ Tuyến rạch Ông Lớn 2 - sông Phước Kiển - rạch Mương Chuối - sông Soài Rạp;

+ Tuyến rạch Tôm - sông Mương Chuối - sông Soài Rạp;

+ Tuyến rạch Dơi - sông Kinh - sông Soài Rạp;

+ Tuyến rạch Dừa - sông Giồng - rạch Giồng - sông Kinh Lộ - sông Soài Rạp.

- Tuyến Vành Đai Ngoài: sông Sài Gòn - rạch Tra - kênh Xáng An Hạ - kênh Lý Văn Mạnh - sông Chợ Đệm Bến Lức - sông Cần Giuộc - rạch Bà Lào - rạch Dơi - sông Kinh - sông Soài Rạp - Tắc sông Chà - sông Nhà Bè - sông Đồng Nai - sông Tắc - rạch Trau Trầu - rạch Chiếc - sông Sài Gòn.

3.2.3. Các tuyến nội thành:

- Tuyến Vành Đai Trong: sông Sài Gòn - sông Vàm Thuật- rạch Bến Cát -sông Trường Đay - kênh Tham Lương - kênh 19/5 - rạch Nước Lên - sông Bến Lức - kênh Đôi - kênh Tẻ - sông Sài Gòn;

- Tuyến trục Đông - Tây:

+ Tuyến sông Sài Gòn - kênh Tẻ - kênh Đôi - sông Chợ Đệm Bến Lức;

+ Tuyến rạch Bến Nghé - kênh Tàu Hũ;

- Các tuyến riêng lẻ: Tuyến Lò Gốm - Ông Buông; kênh Ngang số 1, số 2, sông 3, kênh Thanh Đa.

3.2.4. Các tuyến liên kết nội thành vùng ven:

- Tuyến nội đô - ven đô hành trình: sông Sài Gòn (Bến Bạch Đằng) - Bình Quới Thanh Đa - Lái Thiêu (Bình Dương) - Đền Bến Dược (Củ Chi).

- Tuyến nội thành - khu du lịch Cần Giờ hành trình: sông Sài Gòn (Bến Bạch Đằng) - sông Nhà Bè - sông Lòng Tàu - sông Dàn Xây - bến du lịch Đền Xanh (xã Long Hòa);

3.3. Quy hoạch mạng lưới cảng - bến thủy nội địa:

3.3.1. Quy hoạch cảng:

- Sắp xếp cảng hàng hóa, hành khách trên tuyến kênh Tẻ.

- Chính trang và sắp xếp hoạt động khu cảng Trường Thọ trên rạch Đào thuộc địa bàn phường Trường Thọ, quận Thủ Đức.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các cảng hàng hóa đường sông: Cảng Phú Định tại ngã 3 sông Cần Giuộc - sông Chợ Đệm Bến Lức - Kênh Đôi thuộc phường 16, quận 8; Cảng Long Bình trên sông Đồng Nai thuộc phường Long Bình, quận 9.

- Xây dựng mới cảng hàng hóa: Cảng Nhơn Đức trên giao tuyến của rạch Bà Lào với rạch Dơi - sông Kinh (sông Đồng Điền) thuộc huyện Nhà Bè.

- Quy hoạch cải tạo một phần Cảng Sài Gòn (sau khi Cảng Sài Gòn quy hoạch chuyển đổi công năng sau năm 2010) tại vị trí Bến Nhà Rồng, Khánh Hội thành cảng hành khách du lịch cỡ nhỏ và trung tâm dịch vụ hàng hải.

- Xây dựng bến tàu khách quốc tế 50.000GRT tại khu vực công viên Phú Thuận (Mũi Đèn Đỏ).

- Quy hoạch xây dựng cảng hành khách du lịch tại xã Long Hòa, huyện Cần Giờ.

3.3.2. Quy hoạch bến thủy nội địa:

- Cải tạo và sắp xếp lại khu bến tàu khách Bạch Đằng.

- Quy hoạch các bến hàng hóa trên tuyến Vành đai ngoài và phía bắc thành phố.

- Quy hoạch các bến khách tại các trục kênh Tàu Hũ, kênh Tẻ - kênh Đôi và sông Sài Gòn.

- Sắp xếp lại hệ thống các bến hàng hóa, bến hành khách.

4. Các dự án ưu tiên thực hiện:

4.1. Về tuyến vận tải:

- Hoàn thành di dời giải tỏa cư dân ven kênh và xây dựng kè chỉnh trang kênh Tẻ (quận 4 - quận 7) trong giai đoạn 2010 - 2012.

- Hoàn thành di dời giải tỏa cư dân ven kênh và xây dựng kè chỉnh trang kênh Thanh Đa, quận Bình Thạnh.

- Dự án khai thông tuyến đường thủy nối sông Sài Gòn và sông Đồng Nai qua ngã Rạch Chiếc.

- Dự án khai thông tuyến thủy nội địa nối ngã ba Đèn Đỏ - Nhà máy Xi măng Hà Tiên I qua rạch Giồng Ông Tố.

- Dự án xây dựng tuyến đường thủy Vành đai trong và Vành đai ngoài.

- Dự án khai thông tuyến nối tắt Đồng bằng sông Cửu Long với Vũng Tàu Thị Vải: đào mới 2,1km nối sông Soài Rạp - rạch Gốc Tre Nhỏ - sông Vàm Sát - sông Lò Rèn - sông Dinh Bà - sông Dân Xây.

- Dự án cải tạo nâng cấp và khai thác các tuyến thủy nội địa liên kết nội thành với các khu cảng biển mới thuộc khu vực Hiệp Phước - Nhà Bè: rạch Địa - rạch Rơi - sông Phú Xuân - sông Nhà Bè; rạch Ông Lớn 2 - sông Phước Kiển - sông Mương

Chuối; rạch Tôm - sông Mương Chuối; rạch Dơi - sông Kinh (sông Đồng Điền) và tuyến rạch Dừa - sông Giồng - sông Kinh Lộ.

4.2. Về cảng và bến:

- Cải tạo, bố trí lại khu bến Bạch Đằng với chức năng du lịch thực hiện trong giai đoạn 2009 - 2010.

- Xây dựng bến tàu khách quốc tế 50.000GRT tại khu vực công viên Phú Thuận (mũi Đền Đỏ).

- Triển khai xây dựng cảng sông mới Nhơn Đức.

- Triển khai Dự án xây dựng mạng lưới các bến khách tại các trục kênh Tàu Hũ, kênh Tẻ - kênh Đôi và sông Sài Gòn.

- Đầu tư hệ thống bến khách ngang sông trên toàn địa bàn thành phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Sở Giao thông vận tải thành phố:

+ Tổ chức quản lý và phối hợp với các sở - ngành liên quan lập kế hoạch cụ thể để cải tạo và phát triển mạng lưới giao thông đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn thành phố phù hợp với tốc độ phát triển chung của thành phố.

+ Phối hợp với các đơn vị Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục Đường sông phía Nam, các Sở - ngành, quận - huyện thường xuyên tổ chức kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời những trường hợp san lấp, lấn chiếm trái phép sông, kênh, rạch trên các tuyến đường thủy.

- Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc tiến hành rà soát, điều chỉnh các dự án ven sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố phù hợp với Quy hoạch này.

- Trong trường hợp cần bổ sung, điều chỉnh quy hoạch Sở Giao thông vận tải phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xem xét quyết định.

Điều 3.

- Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

- Quyết định này thay thế Quyết định số 2571/QĐ-UB ngày 03 tháng 5 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông đường thủy và cảng, bến khu vực thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở -

ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

Phụ lục 1
BẢNG PHÂN CẤP ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA ĐỊA PHƯƠNG
KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

ST T	Tên Sông kênh rạch	Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật	Điểm đầu	Điểm cuối
I	Khu vực Củ Chi	67			
1	Kênh Thầy Cai	26,5	V	N3 Kênh An Hạ	Ranh giới Long An
2	Kênh Quyết Thắng (Gia Be)	8,5	VI	Kênh Đông	N3. Kênh Đức Lập
3	Kênh Đức Lập (S.Bà Cả Bảy)	10,0	VI	R.Bến Mương	Cuối tuyến
4	Rạch Láng The - Bến Mương	11,0	VI	N3 S.Sài Gòn	Cầu Bến Mương
5	Kênh Địa Phận	11,0	VI	N3. Rạch Tra	N3 R.Láng The
Tổng: Cấp V: 01 tuyến, L = 26,5km Cấp VI: 04 tuyến, L = 40,5km					
II	Khu vực Hóc Môn và quận 12	53,4			
6	Rạch Tra	11,0	IV	N3 S.Sài Gòn	N3 K.Thầy Cai
7	Kênh An Hạ	15,0	V	N3 K.Thầy Cai	Cầu Xáng TL10
8	Kênh Xáng An Hạ - Kênh Xáng Lý Văn Mạnh	19,0	IV	Cầu Xáng TL10	S. Bến Lức
9	Rạch Cầu Mênh - Rạch Bến Cát	8,4	VI	N3 Rạch Tra	N3 S.Trường Đay
Tổng: Cấp IV : 02 tuyến, L = 30,0km Cấp V : 01 tuyến, L = 15,0km Cấp VI : 01 tuyến, L = 8,4km					
III	Khu vực nội thành	64,6			
10	Kênh Ngang số 2	0,4	IV	Kênh Đồi	Kênh Tàu Hũ - Lò Gốm
11	Kênh Ngang số 3	0,4	IV	Kênh Đồi	Kênh Tàu Hũ - Lò Gốm
12	Sông Vàm Thuật - Bến Cát - Trường Đay - kênh Tham Lương - rạch Nước Lên	30,0	V	N3 Sông Sài Gòn	N3 Sông Bến Lức
13	Kênh Thanh Đa	1,3	V	N3 Sông Sài Gòn	N3 Sông Sài Gòn
14	Rạch Bến Nghé	3,1	V	N3 Sông Sài Gòn	N4 K.Tàu Hũ
15	Kênh Tàu Hũ - Lò Gốm	9,0	V	N4 R.Bến Nghé	Sông Bến Lức
16	Rạch Xóm Cũi - Gò Nổi	7,1	V	Kênh Đồi	N3R.Bà Lào - K.Cây Khô
17	Rạch Nhiều Lọc - Thị Nghè	6,0	VI	N3 Sông Sài Gòn	Cầu Lê Văn Sĩ
18	Rạch Lò Gốm - Ông Buông	2,8	VI	N3 Kênh Lò Gốm	Cầu Ông Buông

19	Rạch Bà Tàng - Cầu Sập	4,5	VI	N3 Kênh Đôi	Sông Cần Giuộc
Tổng: Cấp IV : 02 tuyến, L = 0,8km Cấp V : 05 tuyến, L = 50,5km Cấp VI : 03 tuyến, L = 13,3km					
IV	Khu vực Bình Chánh	36,5			
20	Sông Cần Giuộc	11,5	III	Sông Bến Lức	N3 R.Bà Lào - Cây Khô
21	Rạch Bà Ty	4,0	VI	N3 Kênh Xáng	Sông Bến Lức
22	Rạch Bà Lớn - Rạch Chôm	7,0	VI	N3 Rạch Bà Tàng	Cuối tuyến
23	Rạch Bà Lào (Xà Tồn) - R.Ngang	5,5	VI	N3 Rạch Gò Nổi	Rạch Xóm Cùi
24	Tắc Bến Rô	4,5	VI	N3 Kênh Cây Khô	Rạch Xóm Cùi
25	Rạch Chiếu - Cầu Bà Cả	4,0	VI	N3 Bà Lào	Cuối tuyến (Đa Phước)
Tổng: Cấp III : 01 tuyến, L = 11,5km Cấp VI : 05 tuyến, L = 25,0km					
V	Khu vực Thủ Đức, Q2, Q9	62,7			
26	Sông Tắc	11,5	IV	N3 Sông Tắc	N3 Sông Đồng Nai
27	Rạch Chiếc - Trau Trầu	11,0	IV	N3 Sông Sài Gòn	N3 Sông Tắc
28	Rạch Giồng Ông Tố	3,1	IV	N3 Sông Sài Gòn	N3 Rạch Đồng Trong
29	Rạch Đồng Trong	2,2	IV	Rạch Chiếc	Rạch Giồng Ông Tố
30	Rạch Bà Cửa - Ông Cày	6,3	VI	N3 S.Đồng Nai	N3 Rạch Chiếc
31	Rạch Ông Nhiêu	5,5	VI	N3 S.Đồng Nai	N3 Rạch Trau Trầu
32	Rạch Môn - Sông Kinh	3,6	VI	N3 Sông Tắc	N3 Sông Đồng Nai
33	Rạch Bà Đa - Rạch Giáng	4,5	VI	N3 Sông Tắc	N3 Sông Đồng Nai
34	Rạch Cây Cam	3,3	VI	Sông Tắc	Rạch Trau Trầu
35	Sông Kỳ Hà	4,0	VI	N3 Sông Sài Gòn	Cầu Mỹ Thủy - TL25
36	Rạch Cá Trê Lớn	2,2	VI	N3 Sông Sài Gòn	N3 S.Sài Gòn
37	Rạch Gò Dưa	3,8	VI	N3 Sông Sài Gòn	QL1 (Xa lộ Đại Hàn)
38	Sông Vĩnh Bình	1,7	VI	N3 Sông Sài Gòn	N3 Rạch Nước Trong
Tổng: Cấp IV : 04 tuyến, L = 27,8km Cấp VI : 09 tuyến, L = 34,9km					
VI	Khu vực quận 7, Nhà Bè	65,8			
39	Rạch Đĩa - R.Rơi - S.Phú Xuân	9,8	IV	Rạch Ông Lớn	Sông Nhà Bè
40	Rạch Ông Lớn 2 - Sông Phước Kiểng - Mương Chuối	9,0	IV	N3 Kênh Cây Khô	Sông Soài Rạp
41	R.Tôm (nhánh Phú Xuân - Mương Chuối)	2,5	IV	N3 S.Phú Xuân	Sông Mương Chuối
42	Rạch Dơi - S.Kinh (S.Đồng Điền)	9,0	IV	Sông Cần Giuộc	Sông Nhà Bè
43	Rạch Giồng - Kinh Lộ	4,0	IV	Sông Soài Rạp	Sông Giồng (Long An)
44	Rạch Tôm (nhánh Phước Kiểng)	5,1	V	Sông Phước Kiểng	N3 Rạch Bà Lào
45	Rạch Ông Tư Dinh	3,0	VI	Rạch Đĩa	Rạch Ông Lớn

46	Rạch Cà Cắm	3,0	VI	N3 Rạch Roi	Cầu Đa Khoa
47	Rạch Tam Đệ	1,0	VI	Sông Nhà Bè	Cuối tuyến
48	Rạch Bà Chiêm - Bà Chùa - Lấp Dầu	6,0	VI	S.Mương Chuối	Rạch Dơi
49	Rạch Đình - R.Mương Lớn	4,0	VI	Sông Soài Rạp	Rạch Bầu Dừa
50	Rạch Rộp	3,6	VI	Sông Soài Rạp	Rạch Đình
51	Rạch Tắc Rối (R.Cầu Kinh)	2,5	VI	Sông Sài Gòn	Cuối tuyến (Q7)
52	Tắc Mương Lớn	3,3	VI	Kinh Lộ	R.Đình
<p>Tổng: Cấp IV : 05 tuyến, L = 34,3km Cấp V : 01 tuyến, L = 5,1km Cấp VI : 08 tuyến, L = 26,4km</p>					
VII	Khu vực Cần Giờ	224,1			
53	Sông Đồng Tranh 2	8,5	I	Cửa Biển Đông	S.Cát Lái
54	Sông Thêu	8,0	I	Sông Cái Mép	Cửa Cần Giờ
55	Sông Mũi Nai	6,5	I	S.Dàn Xây	S.Đồng Tranh 2
56	Tắc Sông Chà	1,2	II	S.Soài Rạp	Sông Soài Rạp
57	Sông Cát Lái - S.Vàm Sát	12,7	III	S.Đồng Tranh 2	N3 S.Lò Rèn
58	Sông Đồng Đình - Bãi Tiên	5,0	IV	Cửa Cần Giờ	S.Dinh Bà 2
59	Tắc Đồi Nợ	3,8	IV	Rạch Cá Nhám	Tắc Bài
60	Tắc Bức Mây	4,6	IV	Tắc Bài	Sông Đồng Tranh 1
61	Tắc Cù	6,2	IV	S.Đồng Tranh	Sông Gò Gia
62	Rạch Thiêng Liêng	7,3	IV	Sông Lòng Tàu	Tắc Bức Mây
63	Rạch Tràm - Kênh Kê	8,8	IV	Sông Dinh Bà 1	Sông Cát Lái
64	Rạch Cá Nhán	6,5	IV	Sông Thêu	Tắc Đồi Nợ
65	Tuyến nối tắt ĐBSCL-VTTVải: Đào mới 2,1km nối sông Soài Rạp - rạch Gốc Tre Nhỏ	2,1	IV	Sông Soài Rạp	Rạch Gốc Tre Nhỏ
66	Rạch Lá - Tắc Tây Đen	12,0	V	Sông Soài Rạp	Sông Lòng Tàu
67	Tắc Cà Dao	6,5	V	Sông Lòng Tàu	Sông Dừa
68	Sông Dinh Bà 1 - Lôi Giang	7,8	V	N3 Sông Lò Rèn	Sông Lòng Tàu
69	Sông Lò Vôi	9,5	V	Sông Đồng Đình	Sông Mùng Năm
70	Sông Dinh Bà 2	6,0	V	Cửa Cần Giờ	Sông Bãi Tiên
71	Sông Hà Thanh - Đồng Hòa	10,7	V	Sông Dinh Bà 2	Cửa Biển
72	Rạch Gốc Tre Nhỏ - R.Rào Lớn	4,0	V	Sông Vàm Sát	Sông Soài Rạp
73	Rạch Long Vương	4,0	V	Sông Lòng Tàu	Đầu nguồn (đắp đập)
74	Tắc Ông Đại - Bà Đây - Ba Giồng	6,0	V	Sông Dinh Bà 1	Sông Lò Rèn
75	Rạch Năm Mười	3,2	V	Sông Thêu	Rạch Thiêng Liêng
76	Sông Mùng Năm - Tắc Ăn Chè	6,0	V	Sông Ông Tiên	Sông Dàn Xây
77	Sông Ông Tiên - Cá Gau	8,8	V	Sông Lò Vôi	Sông Lòng Tàu

78	Rạch Tân - Rạch Bông Giếng Lớn	5,7	VI	Sông Soài Rạp	Rạch Lá
79	Rạch Đước - R.Sầu Quán - R.Lấp Dồi	8,7	VI	Sông Lòng Tàu	Sông Nhà Bè
80	Tắc Lớn	3,0	VI	Tắc Cà Dao	Rạch Ấn Thệt
81	Sông Cá Nhám Lớn - R.Cá Nháp Lớn	8,2	VI	Sông Cát Lái	Cửa Soài Rạp
82	Rạch Ấn Thệt - Cái Đước - Rạch Dừa	6,0	VI	Sông Dừa	Sông Lòng Tàu
83	Rạch Mòng Gà - Tắc Móc Mu	4,5	VI	Sông Lòng Tàu	Tắc Cống
84	Rạch Đôn	8,5	VI	Sông Soài Rạp	Sông Lòng Tàu
85	Rạch Đuôi Cá	4,2	VI	S.Đồng Tranh 1	Tắc Bức Mây
86	Tắc Ấn Tét - Tắc Cầu Kho	4,4	VI	Sông Dừa	Sông Dừa
87	Tắc Cống	5,2	VI	Sông Ông Tiên	Sông Lòng Tàu
<p>Tổng: Cấp I : 03 tuyến, L = 23km Cấp II : 01 tuyến, L = 1,2km Cấp III : 01 tuyến, L = 12,7km Cấp IV : 08 tuyến, L = 44,3km Cấp V : 12 tuyến, L = 84,5km Cấp VI : 10 tuyến, L = 58,4km</p>					
	TỔNG CỘNG	574,1			
<p>Tổng kết: Toàn địa bàn thành phố có 87 tuyến đường thủy nội địa với tổng chiều dài 574,1km, trong đó: Cấp I : 03 tuyến, L= 23km Cấp II : 01 tuyến, L= 1,2km Cấp III: 02 tuyến, L= 24,2km Cấp IV: 21 tuyến, L= 137,2km Cấp V : 20 tuyến, L= 181,6km Cấp VI :40 tuyến, L= 206,9km</p>					

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 2**BẢNG PHÂN CẤP ĐƯỜNG SÔNG CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	Tên sông, kênh, rạch	Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật	Điểm đầu	Điểm cuối
1	Rạch Đào 1	1,1	VI	N3 S.Sài Gòn	Đường nội bộ tổng kho Thủ Đức
2	Rạch Đào 2	1,5	VI	Rạch Chiếc	Đường nội bộ tổng kho Thủ Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 3
BẢNG PHÂN CẤP ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
QUỐC GIA KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên Sông kênh rạch	Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật	Điểm đầu	Điểm cuối
1	Kênh Tẻ	4,5	II	N3 S.Sài Gòn	N3 Kênh Đôi
2	Kênh Đôi	8,5	III	N3 Kênh Tẻ	N3 S.Chợ Đệm Bến Lức
3	Rạch Ông Lớn	5,0	III	N3 Kênh Tẻ	N3 kênh Cây Khô
4	Kênh Cây Khô	3,5	III	N3 S.Cần Giuộc	N3 rạch Ông Lớn
5	Sông Cần Giuộc	35,5	III	N3 kênh Cây Khô	N3 S.Soài Rạp
6	Sông Chợ Đệm Bến Lức	9,5	III	N3 Kênh Đôi	Ranh giới Long An
7	Tắc Ông Nghĩa	3,3	III	N3 S.Lòng Tàu	Kênh Bà Tổng
8	Kênh Bà Tổng	3,2	III	N3 Tắc Ông Nghĩa	N3 S.Soài Rạp
9	S.Đồng Tranh 1	25,3	II	N3 S.Lòng Tàu	N3 S.Ngã Bảy
10	S.Vàm Sát	9,7	III	N3 S.Lò Rèn	N3 S. Soài Rạp
11	S.Dần Xây	4,4	III	N3 S.Lòng Tàu	N3 S. Dinh Bà
12	S.Dinh Bà	6,1	III	N3 S. Dàn Xây	N3 S. Lò Rèn
13	S.Lò Rèn	4,1	III	N3 S.Dinh Bà	N3 S.Vàm Sát
14	Tắc Ông Cu - Tắc Bài	7,5	III	N3 S.Gò Gia	N3 S.Đồng Tranh 1
15	Sông Sài Gòn	7,0	II	Cầu Sài Gòn	Ngã 3 Rạch Chiếc
	Sông Sài Gòn	88,1	III	Ngã 3 Rạch Chiếc	Ranh giới Tây Ninh
16	Sông Đồng Nai	26,8	I	Ngã 3 Rạch Ông Nhiêu	Cầu Đồng Nai
	TỔNG CỘNG	252,0			

Phụ lục 4**BẢNG DANH SÁCH CÁC TUYẾN HÀNG HẢI
KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	Tên Sông, kênh, rạch	Chiều dài (km)	Điểm đầu	Điểm cuối
1	Sông Sài Gòn	16,7	N3 Đền Đò	Hạ lưu cầu Sài Gòn
2	Sông Đồng Nai	7,6	N3 Đền Đò	Ngã 3 rạch Ông Nhiều
3	Sông Nhà Bè	11,1	N3 Đền Đò	N3 S. Soài rạp - Lòng Tàu
4	Sông Soài Rạp	59,6	Cửa Biển	N3 S. Soài rạp - S. Nhà Bè (Ngã 3 Bình Khánh)
5	Sông Lòng Tàu	32,4	Sông Ngã Bảy	N3 S. Soài rạp - Lòng Tàu
6	Sông Ngã Bảy	9,3	Sông Lòng Tàu	Vịnh Gành Rái
7	Sông Dừa - Tắc Định Cậu - R Tắc Rôi	10,1	N3 Sông Lòng Tàu	Sông Lòng Tàu
	TỔNG CỘNG	146,8		

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2009/QĐ-UBND

*Quận 8, ngày 19 tháng 8 năm 2009***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động
của Phòng Nội vụ quận 8****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và Thông tư số 06/2008/TT-BNV ngày 21 tháng 8 năm 2008 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung khoản 2 Mục III Phần I Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 8,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 8.

Điều 2. Trưởng Phòng Nội vụ quận 8 có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện theo đúng nội dung Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 58/2005/QĐ-UB ngày 31 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận 8.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 8, Trưởng Phòng Nội vụ quận 8, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc quận 8 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Chung

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 8
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 8)*

Chương I **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

- Phòng Nội vụ quận 8 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 8.
- Phòng Nội vụ quận 8 có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận 8; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chức năng:

Phòng Nội vụ quận 8 có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 8 thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tổ chức, biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp Nhà nước; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước; cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua khen thưởng.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Nội vụ quận 8 có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận 8 các văn bản hướng dẫn về công tác nội vụ trên địa bàn và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Trình Ủy ban nhân dân quận 8 ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao.

4. Về tổ chức, bộ máy:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận 8 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các cơ quan chuyên môn quận 8 theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Trình Ủy ban nhân dân quận 8 quyết định hoặc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận 8 trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 8;

c) Xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các tổ chức sự nghiệp trình cấp có thẩm quyền quyết định;

d) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập các tổ chức phối hợp liên ngành quận 8 theo quy định của pháp luật.

5. Về quản lý và sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp:

a) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp hàng năm;

b) Giúp Ủy ban nhân dân quận 8 hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp;

c) Giúp Ủy ban nhân dân quận 8 tổng hợp chung việc thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức sự nghiệp quận 8 và Ủy ban nhân dân phường.

6. Về công tác xây dựng chính quyền:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận 8 và các cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo phân công của Ủy ban nhân dân quận 8 và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Thực hiện các thủ tục để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 phê chuẩn các chức danh lãnh đạo của Ủy ban nhân dân phường; giúp Ủy ban nhân dân quận 8 trình Ủy ban nhân dân thành phố phê chuẩn các chức danh bầu cử theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 8 xây dựng đề án thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn để Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ, mốc, chỉ giới, bản đồ địa giới hành chính của quận 8;

d) Giúp Ủy ban nhân dân quận 8 trong việc hướng dẫn thành lập, giải thể, sáp nhập và kiểm tra, tổng hợp báo cáo về hoạt động của khu phố, tổ dân phố, tổ nhân dân trên địa bàn quận 8 theo quy định; bồi dưỡng công tác cho các chức danh ở khu phố, tổ dân phố, tổ nhân dân.

7. Giúp Ủy ban nhân dân quận 8 trong việc hướng dẫn, kiểm tra tổng hợp báo cáo việc thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, phường, doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần.

8. Về cán bộ, công chức, viên chức:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận 8 trong việc tuyển dụng, sử dụng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đánh giá; thực hiện chính sách, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức;

b) Thực hiện việc tuyển dụng, quản lý công chức phường và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức và cán bộ không chuyên trách phường theo phân cấp.

9. Về cải cách hành chính:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận 8 triển khai, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn cùng cấp và Ủy ban nhân dân phường thực hiện công tác cải cách hành chính ở địa phương;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 8 về chủ trương, biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn quận 8;

c) Tổng hợp công tác cải cách hành chính ở địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân quận 8 và thành phố.

10. Giúp Ủy ban nhân dân quận 8 thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của hội và tổ chức phi chính phủ trên địa bàn.

11. Về công tác văn thư, lưu trữ:

a) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận 8 chấp hành chế độ, quy định của pháp luật về công tác văn thư, lưu trữ;

b) Hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ về thu thập, bảo vệ, bảo quản và tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận 8 và lưu trữ quận 8.

12. Về công tác tôn giáo:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận 8 chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo và công tác tôn giáo trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp để thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về tôn giáo trên địa bàn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

13. Về công tác thi đua, khen thưởng:

a) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân quận 8 tổ chức các phong trào thi đua và triển khai thực hiện chính sách khen thưởng của Đảng và Nhà nước trên địa bàn quận 8; làm nhiệm vụ Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận 8;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, nội dung thi đua, khen thưởng trên địa bàn quận 8; xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

14. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết các khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về công tác nội vụ theo thẩm quyền.

15. Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 và Giám đốc Sở Nội vụ về tình hình, kết quả triển khai công tác nội vụ trên địa bàn.

16. Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về công tác nội vụ trên địa bàn.

17. Quản lý tổ chức, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Phòng Nội vụ theo quy định của pháp luật và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận 8.

18. Quản lý tài chính, tài sản của Phòng Nội vụ theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận 8.

19. Giúp Ủy ban nhân dân quận 8 quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường về công tác nội vụ và các lĩnh vực công tác khác được giao trên cơ sở quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận 8.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Nội vụ quận 8 có Trưởng phòng, có từ 02 đến 03 Phó Trưởng phòng và cán bộ, công chức.

a) Trưởng Phòng Nội vụ quận 8 chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng.

Trưởng Phòng Nội vụ quận 8 có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra toàn bộ nhiệm vụ của đơn vị và Tổ Hành chính, quản trị.

b) Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng;

- 01 Phó Trưởng phòng quản lý và phụ trách, theo dõi hoạt động của Tổ Tôn giáo và Tổ Thi đua - Khen thưởng;

- 01 Phó Trưởng phòng quản lý phụ trách, theo dõi hoạt động của Tổ Nghiệp vụ nhà nước.

- 01 Phó Trưởng phòng quản lý phụ trách, theo dõi hoạt động của Tổ Cải cách hành chính, Tổ Quy chế dân chủ cơ sở.

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nhà nước về nội vụ trên địa bàn quận 8 được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao. Phòng Nội vụ quận 8 được tổ chức thành 6 Tổ công tác, gồm những công chức được phân công đảm nhiệm các chức danh công việc trên các mặt công tác của Phòng:

- Tổ Nghiệp vụ nhà nước: (về tổ chức bộ máy; quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp; xây dựng chính quyền; chính sách cán bộ, công chức, viên chức và Hợp đồng lao động);

- Tổ Tôn giáo;

- Tổ Thi đua - Khen thưởng;

- Tổ Cải cách hành chính;

- Tổ Quy chế dân chủ cơ sở;

- Tổ Hành chính, quản trị: (về văn thư, lưu trữ; tài chính công sản; phong trào thi đua...).

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Nội vụ quận 8 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận 8 hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

2. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.
2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.
3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.
4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.
5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh:

Phòng Nội vụ quận 8 chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận 8:

Phòng Nội vụ quận 8 chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận 8 về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận 8 về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận 8 về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với Ban Tổ chức Quận ủy quận 8:

Phòng Nội vụ quận 8 phối hợp, bàn bạc với Ban Tổ chức Quận ủy quận 8 trong việc giải quyết những vấn đề về tổ chức cán bộ thuộc diện Quận ủy quận 8 quản lý theo yêu cầu của Thường trực Ủy ban nhân dân quận 8 (đề bạt, bổ nhiệm, xây dựng

kế hoạch, quy hoạch đào tạo, đào tạo lại cán bộ, công chức, viên chức) đồng thời thường xuyên liên hệ với Ban Tổ chức Quận ủy quận 8 để nắm được chủ trương của cấp ủy qua từng thời kỳ về công tác tổ chức và cán bộ, qua đó có kế hoạch thực hiện tốt nhiệm vụ.

4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận 8:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận 8, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận 8. Trong trường hợp Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Nội vụ quận 8 tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 xem xét, quyết định.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận 8:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 8, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận 8 có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận 8 giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

6. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Nội vụ quận 8 có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, đảm bảo phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về nội vụ trên địa bàn quận 8.

Điều 9. Trưởng Phòng Nội vụ quận 8 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận 8 có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và

hoạt động của Phòng Nội vụ quận 8 sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Chung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2009/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 19 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTTTT-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 40/2009/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 (tại Công văn số 84/PVHTT ngày 07 tháng 7 năm 2009) và Trưởng Phòng Nội vụ quận 8,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8.

Điều 2. Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện theo đúng nội dung Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 04/2007/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 8.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 8, Trưởng Phòng Nội vụ quận 8, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc quận 8 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Chung

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 8)*

Chương I **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 8.

Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận 8; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Chức năng:

Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 8 quản lý nhà nước về: văn hóa; gia đình; thể dục; thể thao; du lịch; báo chí; xuất bản; bưu chính và chuyển phát; viễn thông và Internet; công nghệ thông tin, hạ tầng thông tin; phát thanh trên địa bàn và các dịch vụ công thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao trên địa bàn quận; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Nhiệm vụ và quyền hạn chung thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao:

a) Trình Ủy ban nhân dân quận 8 ban hành quyết định, chỉ thị; kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; đề án, chương trình phát triển ngành theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng trên địa bàn; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện cải cách hành chính, xã hội hóa trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 dự thảo các văn bản về lĩnh vực quản lý nhà nước được giao thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

c) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình đã được phê duyệt; hướng dẫn, thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, hoạt động phát triển sự nghiệp ngành, lĩnh vực: văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, gia đình, thông tin và truyền thông; chủ trương xã hội hóa hoạt động văn hóa, thể dục thể thao.

d) Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn và kiểm tra hoạt động các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật.

e) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông đối với cán bộ thuộc Ủy ban nhân dân phường.

g) Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng.

h) Thực hiện công tác thống kê, thông tin báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

i) Quản lý tổ chức, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Phòng về lĩnh vực được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

k) Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và ủy quyền, phân cấp của Chủ tịch, Ủy ban nhân dân quận.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể về lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch:

a) Hướng dẫn các tổ chức, đơn vị và nhân dân trên địa bàn quận 8 thực hiện phong trào văn hóa, văn nghệ; phong trào luyện tập thể dục, thể thao; xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; xây dựng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng gia đình văn hóa, khu phố văn hóa, phường văn hóa, đơn vị văn hóa; công sở văn minh sạch đẹp, bảo vệ các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh; bảo vệ, tôn tạo, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên du lịch, môi trường du lịch, điểm du lịch trên địa bàn quận.

b) Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thể thao, Nhà Thiếu nhi, các thiết chế văn hóa thông tin cơ sở, các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, điểm vui chơi công cộng thuộc phạm vi quản lý của Phòng trên địa bàn quận.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trên địa bàn quận; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân về lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể về lĩnh vực thông tin và truyền thông:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận trong việc tổ chức công tác bảo vệ an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động bưu chính, chuyển phát, viễn thông, công nghệ thông tin, Internet, phát thanh.

b) Chịu trách nhiệm theo dõi và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án về ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn quận theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận. Thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận và hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông trong việc quản lý hạ tầng thông tin: Mạng cáp thông tin, viễn thông và các trạm thu phát sóng điện thoại di động (BTS) trên địa bàn.

c) Tổ chức thực hiện việc quản lý, kiểm tra và hướng dẫn các phường quản lý các đại lý bưu chính, viễn thông, Internet trên địa bàn theo quy định của pháp luật; phát hiện các hành vi vi phạm của các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và điện tử; về bưu chính; viễn thông và Internet; dịch vụ photocopy và in ấn; về kinh doanh sách báo, phát hành sách báo, cơ sở kinh doanh xuất bản phẩm; về đưa tin, phát thanh và truyền thanh trên địa bàn, kịp thời báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân quận xử lý.

d) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, đơn vị và cá nhân trên địa bàn quận thực hiện pháp luật về các lĩnh vực bưu chính, viễn thông và Internet; công nghệ thông tin, hạ tầng thông tin; phát thanh; quảng cáo; báo chí; in ấn, phát hành; xuất bản.

đ) Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý Nhà nước đối với mạng lưới phát thanh, truyền thanh cơ sở, bản tin của quận và cơ sở.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng;

b) Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng;

c) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác văn hóa và thông tin trên địa bàn quận được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể của cơ quan, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 tổ chức thành các tổ chuyên môn, gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác:

- Tổ văn phòng;
- Tổ xây dựng đời sống văn hóa cơ sở;
- Tổ quản lý nhà nước;
- Tổ gia đình, thể dục thể thao, du lịch, di sản văn hóa.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 quyết định trong tổng biên chế hành chính của quận trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với tổ chức và cá nhân có liên quan phải thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Môi quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận 8:

Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

2. Đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông:

Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn theo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận 8:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của quận. Trường hợp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

a) Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ quản lý ngành để Ủy ban nhân dân phường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

b) Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 có trách nhiệm cùng với Ủy ban nhân dân phường kiện toàn, củng cố bộ phận công tác về văn hóa và thông tin, công tác gia

đình tại địa phương. Phối hợp với các tổ chức, chính quyền, đoàn thể nhân dân xây dựng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng gia đình văn hóa, khu phố văn hóa, phường văn hóa, đơn vị văn hóa, công sở văn minh sạch đẹp.

5. Đối với các đơn vị sự nghiệp văn hóa và thông tin: Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thể dục Thể thao, Nhà Thiếu nhi thuộc Ủy ban nhân dân quận và các tổ chức hoạt động về lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông ngoài công lập trong phạm vi quản lý.

a) Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 tạo điều kiện để các đơn vị sự nghiệp liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, đồng thời giúp Ủy ban nhân dân quận 8 thực hiện việc quản lý Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, gia đình, thông tin và truyền thông, kiểm tra, kịp thời phát hiện và đề xuất xử lý những vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực được giao.

b) Các đơn vị sự nghiệp liên quan có trách nhiệm phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 trong việc giúp Ủy ban nhân dân quận 8 xây dựng kế hoạch, báo cáo kết quả hoạt động của lĩnh vực văn hóa và thông tin.

6. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận 8:

Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 phối hợp và hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận 8 giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 quyết định để thi hành.

Điều 9. Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận 8 sau khi được Ủy ban nhân dân quận 8 quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, Trưởng phòng đề xuất trình Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi thỏa thuận với Trưởng Phòng Nội vụ quận 8./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Chung

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng